

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7 - 2023

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiện Bửu

Ông Bùi Minh Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sốc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố H, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Đ, sinh năm 1993; (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Gò P, xã Hưng Đ, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1985; (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Tân H, xã I, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trịnh Thị Đ trình bày: Vào năm 2009 chị và anh Ngô Văn N chung sống với nhau, việc chung sống là hoàn toàn do cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I vào năm 2011. Vợ chồng sống hạnh phúc, yêu thương nhau. Đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, do anh N ăn chơi, cờ bạc không chăm lo cho gia đình, chị tạo điều kiện và đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn N. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Ngô Thị Hồng C, sinh ngày 06/02/2010 và Ngô Kim T, sinh ngày

16/9/2012 (hiện 02 con đang sống với chị), chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì chị đi làm Công ty gỗ lương hàng tháng hơn 8.000.000đ (tám triệu đồng) nên đảm bảo lo đủ cho 02 con. Việc chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là do chị tự nguyện. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn thì chị tự nguyện chịu theo quy định.

- Bị đơn anh Ngô Văn N vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) và có bản khai, anh N thể hiện ý kiến như sau: Anh và chị Trịnh Thị Đ có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2011, vợ chồng chung sống hạnh phúc có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng C, sinh ngày 06/02/2010 và Ngô Kim T, sinh ngày 16/9/2012. Năm 2017, vợ chồng anh đi Bình Dương làm đến tháng 4 năm 2022 do anh có chơi bời nên vợ giận đi về quê ở Hưng Đ, huyện T, tỉnh Long An sống cho đến nay. Anh cũng đến thăm vợ con nhưng vợ giận rồi làm đơn ly hôn, chứ vợ chồng không cự cãi hay đánh nhau gì cả. Vợ chồng anh đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2022 đến nay, anh nghĩ để từ từ vợ anh nguôi giận thì vợ chồng chung sống lại nhưng vợ anh lại xin ly hôn. Nay anh không thống nhất ly hôn vì anh còn thương vợ con, để anh năn nỉ vợ sống lại trong thời gian 01 tháng tính từ ngày 31/01/2023 đến ngày 03/3/2023 anh sẽ đến Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết việc ly hôn với vợ anh, nếu vợ anh không chịu hàn gắn thì anh sẽ thống nhất ly hôn. Về 02 con chung Ngô Thị Hồng C, sinh ngày 06/02/2010 và Ngô Kim T, sinh ngày 16/9/2012 thì anh thống nhất để vợ anh nuôi dưỡng, anh sẽ lo cho con theo khả năng của anh.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị Đ có mặt, đối với bị đơn anh Ngô Văn N có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn là đúng theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Đ. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Đ được tiếp tục nuôi hai con tên Ngô Thị Hồng C, sinh ngày 06/02/2010 và Ngô Kim T, sinh ngày 16/9/2012; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu và ghi nhận ý kiến của anh N tự nguyện lo cho con theo khả năng của anh. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

[3] Chị Trịnh Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Văn N được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị Đ có mặt, bị đơn anh Ngô Văn N có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Xét việc nguyên đơn chị Trịnh Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn N, Hội đồng xét xử nhận định:

[6] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Đ và anh Ngô Văn N chung sống với nhau năm 2009 đến ngày 06/10/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên hôn nhân giữa chị Đ và anh N là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ trình bày trong quá trình chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn N.

[7] Đối với anh Ngô Văn N trình bày: Anh và chị Đ chung sống với nhau từ năm 2009 trong quá trình chung sống có hạnh phúc. Vào năm 2017 vợ chồng anh đi Bình Dương làm, đến tháng 4 năm 2022 do anh có chơi bời nên vợ giận đi về quê ở Hưng Đ, huyện T, tỉnh Long An sống cho đến nay. Anh cũng đến thăm vợ con nhưng vợ giận rồi làm đơn ly hôn, chứ vợ chồng không cự cãi hay đánh nhau gì cả.

[8] Xét thấy giữa chị Trịnh Thị Đ và anh Ngô Văn N đã có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N không chăm lo gia đình mà có ăn chơi cờ bạc việc này anh N cũng có thừa nhận tại bản khai của anh, kể cả theo Công văn số 243/UBND ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã I cung cấp thông tin thì bà Pha là mẹ của anh N cũng xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh N ăn chơi cờ bạc nhưng không sửa đổi. Đồng thời khi Tòa án thụ lý giải quyết anh N có xin thời gian để anh thuyết phục vợ anh về chung sống lại nhưng khi Tòa án gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ thì anh N không đến tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng và cho đến nay anh chị vẫn không hàn gắn được, tại phiên tòa hôm nay chị Đ vẫn cương quyết ly hôn với anh N. Từ những cơ sở trên xét thấy hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Đ và anh Ngô Văn N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trịnh Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn N là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về con chung: Chị Trịnh Thị Đ và anh Ngô Văn N có hai con chung là Ngô Thị Hồng C, sinh ngày 06/02/2010 và Ngô Kim T, sinh ngày 16/9/2012, hiện đang sống cùng với chị Đ nên chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh Ngô Văn N cấp dưỡng

nuôi con. Xét thấy hiện nay 02 con Ngô Thị Hồng C và Ngô Kim T đang sống với chị Đ ổn định, phù hợp với nguyện vọng của cháu C và T và theo Văn bản số 162/UBND - CV của Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ, huyện T, tỉnh Long An cung cấp thông tin hiện nay chị Đ đang làm công nhân cho 01 Công ty trên địa bàn của tỉnh Long An có thu nhập ổn định. Do đó việc chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp và có cơ sở. Đối với việc chị Đ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại bản khai anh N không có ý kiến tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Trịnh Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Ngô Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[13] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Đ được ly hôn với anh Ngô Văn N.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Đ. Chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Ngô Thị Hồng C, sinh ngày 06/02/2010 và Ngô Kim T, sinh ngày 16/9/2012. Anh Ngô Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ tự nguyện không yêu cầu.

Chị Trịnh Thị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ngô Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Thị Đ chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006857 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, chị Trịnh Thị Đ không phải nộp thêm. Anh Ngô Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND TP. H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Mỹ Dung